

QUY TRÌNH KỸ THUẬT NUÔI LỢN NÁI

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP CHỌN GIỐNG LỢN MÓNG CÁI

1. Đặc điểm sinh học của lợn Móng Cái

1.1. Ngoại hình

Đầu đen, giữa trán có một điểm trắng hình tam giác hay bầu dục.

Mồm trắng, giữa vai và cổ có vành trắng vắt ngang, vành trắng này kéo dài tới bụng và 4 chân.

Lưng và mông màu đen, khoảng này kéo xuống 1/2 bụng và bịt kín mông tạo thành lang "yên ngựa".

Lợn có đầu to, mồm bẹ dài vừa phải, cổ ngắn và to, lưng dài, rộng, hơi võng. Bụng tương đối gọn, càng về sau bụng càng sệ, lông thưa và nhỏ, da mỏng, mịn, chân sau đi bàn, lợn đực số vú có từ 12 vú trở lên.

1.2. Đặc điểm sinh sản

Thành thực tính sớm, 4-5 tháng tuổi đã xuất hiện động dục, tuy nhiên để phối giống được, lợn phải đạt trên 7 tháng tuổi, trọng lượng trên 60 kg. Lợn mắn đẻ, đẻ nhiều con, nuôi con khéo, sức tiết sữa cao, chi phí thức ăn thấp.

2. Chọn giống

2.1. Chọn lọc theo huyết thống

- Lợn có nguồn gốc bố mẹ là giống tốt.

- Con bố phải được kiểm tra năng suất cá thể ở các cơ sở lợn giống, đạt 2 chỉ tiêu:

+ Tốc độ tăng trọng bình quân 350g/ngày trở lên .

+ Tiêu tốn thức ăn: dưới 4 kg/1kg tăng trọng.

- Chọn những con từ những ổ có khả năng sinh sản tốt, đẻ phối giống, đẻ nhiều con, con cai sữa có trọng lượng cao, khỏe, ít bệnh tật.

2.2. Chọn lọc ngoại hình

- Màu sắc lông da: Lợn có khoang yên ngựa đặc trưng.

- Chọn lợn có 12 vú trở lên, khoảng cách giữa 2 vú đều nhau, không có vú kẹp.

- Lợn có 4 chân chắc chắn, khoảng cách giữa 2 chân trước và chân sau vừa phải, móng không toè, đi đứng tự nhiên, không đi chữ bát, vòng kiềng hay đi bàn.

- Vai rộng, ngực nở, thân dài cân đối, mông rộng.

CHƯƠNG II: KỸ THUẬT CHĂN NUÔI LỢN HẬU BỊ MÓNG CÁI

1. Mục đích yêu cầu

- Lợn sinh trưởng phát triển bình thường, lúc 7 tháng tuổi đạt 55 kg. Lợn không qua gầy hoặc quá mập.

- Giảm tỷ lệ loại thải, loại thải đúng thời điểm (trong giai đoạn nuôi lợn hậu bị) sẽ tăng hiệu quả kinh tế trong nuôi lợn nái sinh sản.
- Lợn cái động dục sớm, 4 tháng tuổi động dục, 7 tháng tuổi bắt đầu phối giống.
- Giảm được chi phí thức ăn, công lao động và chi phí khác.
- Để nhiều con ngay từ lứa đầu.

2. Kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng

- Lợn hậu bị là lợn chưa sinh sản, đang nuôi để chọn thành lợn nái để sinh sản. Thời gian hậu bị từ 2 tháng tuổi đến 6 tháng tuổi.
- Chăm sóc nuôi dưỡng: Cho lợn ăn cân đối, đủ chất nhất là Protein để lợn sớm thành thục và phát triển cân đối về tính.

3. Định mức thức ăn và tiêu chuẩn khẩu phần

- *Tiêu chuẩn ăn của lợn hậu bị*: Năng lượng trao đổi: 2.800 Kcal/kg thức ăn, lượng Protein tiêu hoá đạt 13-13,5%. Lợn hậu bị béo sẽ ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển.
- *Khẩu phần ăn*:
 - + Giai đoạn có trọng lượng 10-35 kg: lượng thức ăn tinh từ 0,3-0,7 kg, thức ăn xanh 0,5 kg.
 - + Giai đoạn có trọng lượng 36-70 kg: lượng thức ăn tinh từ 0,8-1,2 kg, thức ăn xanh 1 kg.
- *Loại thức ăn*: Thức ăn công nghiệp dạng hỗn hợp, thức ăn đậm đặc phối chế với các loại nguyên liệu địa phương. Song đảm bảo tiêu chuẩn về năng lượng trao đổi và Protein tiêu hoá.
- Có thể sử dụng các loại thức ăn sẵn có ở địa phương để phối trộn. Có thể sử dụng công thức sau:

| Loại thức ăn (%) | Tỷ lệ |
|------------------|-------|
| Cám gạo loại 1 | 40 |
| Bột ngô | 29 |
| Bột sắn | 10 |
| Thức ăn đậm đặc | 20 |
| Muối + Khoáng | 1 |

5. Các giai đoạn chọn lọc

- *Chọn lần 1*: Chọn lúc lợn 60 ngày tuổi, trọng lượng từ 8 - 12 kg/con chọn lọc những con: to, khoẻ và dáng cân đối, có số vú 12 vú trở lên, khối lượng phải cao hơn bình quân của đàn.
- *Chọn lần 2*: Lúc lợn 6 tháng tuổi, trọng lượng trên 50 kg/con. Thân hình cân đối, khoảng cách vú đều, có 12 vú trở lên, không có vú kệ lép, âm hộ bình thường, không dị tật. Chọn những con có hiện tượng động dục sớm.

6. Tiêm phòng dịch bệnh

Tiêm phó thương hàn lợn con. Khi lợn trưởng thành tiêm phòng các loại vắc xin theo pháp lệnh thú y hiện hành. (Tụ huyết trùng, dịch tả...)

CHƯƠNG III: KỸ THUẬT CHĂN NUÔI LỢN NÁI TIỀN PHỐI GIỐNG

1. Mục đích yêu cầu

Lợn cái động dục sớm, phối giống đúng thời điểm, giảm được chi phí thức ăn, công lao động và chi phí khác.

2. Kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng

Cho lợn ăn cân đối, đủ chất nhất là Protein để lợn sớm động dục.

3. Chu kỳ động dục và đặc điểm động dục của lợn nái Móng Cái

- Tuổi đẻ lứa đầu: Lợn đẻ lứa đầu thường ở 11 - 12 tháng tuổi. Như vậy lứa đầu cho phối lúc 7 - 8 tháng tuổi, về trọng lượng cần đạt 60 kg trở lên.

- Chu kỳ động dục của lợn nái và động dục của lợn nái sau khi cai sữa

+ Một chu kỳ động dục của lợn nái là 18 - 21 ngày, nếu chưa cho phối thì chu kỳ động dục lại nhắc lại.

+ Lợn nái sau cai sữa khoảng 5 - 7 ngày thì động dục trở lại. Thời gian này cho phối giống, lợn dễ thụ thai vì trứng chín nhiều, số con đông.

+ Không ép phối, nếu lợn nái sau khi cai sữa mà cơ thể hao mòn gây sút. Cần phải bỏ qua một chu kỳ để nái lại sức và nuôi được lâu hơn.

+ Thời gian động dục kéo dài 3 - 4 ngày, có con đến 5 ngày.

Có thể chia làm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn trước khi chịu đực (bắt đầu).

- Giai đoạn chịu đực (phối giống).

- Giai đoạn sau chịu đực (kết thúc).

3.1. Giai đoạn trước khi chịu đực

- Lợn nái thay đổi tính tình, kêu rít nhỏ, kém ăn, nhảy lên lưng con khác.

- Âm hộ đỏ tươi, sưng mọng, có nước nhờn chảy ra nhưng chưa chịu cho đực nhảy. Người nuôi cũng không nên cho lợn phối lúc này, vì sự thụ thai chỉ xảy ra sau khi có các hiện tượng trên từ 25 - 30 giờ .

3.2. Giai đoạn chịu đực

Lợn kém ăn, đứng yên, mê ì. Lấy tay ấn lên lưng gần mông, lợn đứng im, đuôi vất về một bên, âm hộ giảm độ sưng, có nếp nhăn, màu sẫm hoặc màu mận chín, có nước nhờn chảy dính đực, con đực lại gần thì đứng im chịu phối. Thời gian này kéo dài 28 - 30 giờ, nếu được phối giống thì lợn sẽ thụ thai (vào cuối ngày thứ 2 đầu ngày thứ 3).

3.3. Giai đoạn sau chịu đực

Lợn nái trở lại bình thường, ăn uống như cũ.

4. Định mức thức ăn và tiêu chuẩn khẩu phần

4.1. Định mức thức ăn

Năng lượng trao đổi là: 2800 Kcal/kg thức ăn, lượng Protein tiêu hoá từ 14 %.

Khẩu phần ăn cho lợn hậu bị: Giai đoạn chờ phối lượng thức ăn tinh từ 1,2 – 1,4 kg, thức ăn xanh 2,5 kg.

Chia khẩu phần ăn thành 2 bữa trong ngày.

Sáng : 07 - 08 giờ

Chiều : 16 - 17 giờ

Cho uống nước đủ.

4.2. Loại thức ăn

Thức ăn công nghiệp dạng hỗn hợp, thức ăn đậm đặc phối chế với các loại nguyên liệu địa phương. Song phải đảm bảo tiêu chuẩn về năng lượng trao đổi và Protein tiêu hoá.

6. Tiêm phòng dịch bệnh

Trước khi phối giống phải tẩy giun sán, nuôi dưỡng tốt hơn, đồng thời phải tiêm phòng đầy đủ 3 bệnh chính: dịch tả, tụ huyết trùng, đóng dấu.

Thời điểm tiêm phòng: Trước khi phối giống 10 - 15 ngày, chỉ tiêm 1 loại vắc xin trong 1 lần và sau 1 tuần tiêm tiếp loại vắc xin khác.

CHƯƠNG IV: KỸ THUẬT CHĂN NUÔI LỢN NÁI CHỮA

1. Mục đích yêu cầu

- Nuôi dưỡng chăm sóc lợn nái có chữa phải bảo đảm cho bào thai phát triển bình thường, tránh sảy thai, mỗi lứa đẻ nhiều con, con khoẻ mạnh, có trọng lượng sơ sinh cao.
- Duy trì sức khoẻ cho lợn mẹ, cơ thể được dự trữ đủ chất dinh dưỡng trong thời kỳ tiết sữa nuôi con.

2. Kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng

Vận động: Lợn nái chữa cho vận động mỗi ngày chừng 1 - 2 giờ, từ tháng thứ tư trở đi vẫn có thể cho vận động tự do nhưng không cưỡng bức để tránh lợn sảy thai. Sau khi vận động cho lợn nghỉ 30 phút rồi mới cho ăn.

- Tắm chải cho lợn nái, kích thích hoạt động, gây cảm giác dễ chịu cho lợn nái. Tăng cường xoa bóp bầu vú để mạch máu dễ lưu thông, phát triển tuyến sữa, lợn dễ quen người và dễ tiếp xúc khi đỡ đẻ.

- Cho lợn nái ăn theo đúng giờ quy định. Trước khi lợn đẻ 3 ngày, giảm khẩu phần xuống còn 2 kg, đến ngày đẻ không cần cho ăn chỉ cho uống nước sạch để lợn dễ đẻ.

- Nước uống cho lợn nái chữa là không thể thiếu được, nên lắp đặt vòi nước tự động để lợn nái chữa tự do uống theo yêu cầu của cơ thể.

- Thời gian chữa: Lợn nái có chữa từ 113 - 116 ngày (bình quân 114 ngày), được chia làm 2 giai đoạn:

+ Chữa kỳ I: 01 - 80 ngày: 80 ngày đầu

+ Chữa kỳ II: 80 - 114 ngày: 34 ngày sau

3- Định mức thức ăn và tiêu chuẩn khẩu phần

3.1. Định mức thức ăn

Nhu cầu dinh dưỡng của lợn nái chữa: Trước hết là để đáp ứng nhu cầu cho sự phát triển bào thai, sau đó nhu cầu duy trì của bản thân lợn mẹ và tích lũy một phần cho sự tiết sữa nuôi con sau này.

Riêng đối với lợn nái tơ (dưới 2 năm tuổi) còn cần thêm chất dinh dưỡng cho sinh trưởng của bản thân.

Năng lượng trao đổi: 2800Kcal/kg thức ăn, Protein tiêu hoá đạt 12%

Lượng thức ăn tinh ở từng giai đoạn:

Chửa kỳ I: Cho ăn từ: 1,2 - 1,6 kg/con/ngày.

Chửa kỳ II: Từ 80 - 110 ngày: 02 - 2,2 kg/con/ngày.

Từ 111 - 113 ngày: 2 kg/con/ngày.

Ngày đẻ: Không cho ăn.

3.2. Khẩu phần thức ăn

Thức ăn công nghiệp dạng hỗn hợp, thức ăn đậm đặc phối chế với các loại nguyên liệu địa phương. Song phải đảm bảo tiêu chuẩn về năng lượng trao đổi và Protein tiêu hoá.

Thức ăn xanh: bình quân 2 kg/ngày/nái.

Chú ý:

- Khẩu phần phải đảm bảo rau xanh cho lợn nái chữa 30% cho nái chữa kỳ I, 20% cho nái chữa kỳ II.

- Không dùng các loại thức ăn có tác dụng ủ men, ủ chua đối với lợn nái chữa tháng đầu và giai đoạn sắp đẻ.

- Không thay đổi thức ăn đột ngột.

5. Tiêm phòng dịch bệnh

- Tẩy giun sán và tắm ghê cho lợn nái chữa 10 - 14 ngày trước ngày đẻ.

- Dịch tả lợn: Tiêm sau khi chữa 30 - 75 ngày.

CHƯƠNG V: KỸ THUẬT CHĂN NUÔI LỢN NÁI ĐẼ, NUÔI CON

1. Mục đích yêu cầu

- Để duy trì sức khoẻ cho lợn mẹ, cơ thể được dự trữ đủ chất dinh dưỡng trong thời kỳ tiết sữa nuôi con.

- Chất lượng sữa và tiết sữa đủ cho con bú trong thời gian lợn con theo mẹ.

2. Kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng

2.1. Công tác chuẩn bị trước khi lợn đẻ

Trước khi lợn đẻ 7 - 10 ngày, chuồng phải khô, sạch, đủ ánh sáng, yên tĩnh, có rom rạ, cỏ khô cắt ngắn độn chuồng.

Vệ sinh cho lợn nái: Trước khi đẻ, lợn nái cần được lau rửa sạch đất hoặc phân bám dính. Dùng khăn thấm nước xà phòng lau sạch bầu vú và âm hộ.

- Chuẩn bị đỡ đẻ: (nếu cần thiết mới can thiệp, còn lại để lợn đẻ tự do)

+ Vải màn hay giẻ sạch để lau lợn con.

- + Thùng gỗ hoặc thùng lót rom, rạ mềm để đựng lợn con mới đẻ.
- + Bếp than hay bóng đèn điện để sưởi ấm (để mùa đông).
- + Chi buộc rôn, kéo cắt rôn, dụng cụ sát trùng và kìm bấm răng nanh.

2.2. Triệu chứng sắp đẻ

- Tính ngày lợn đẻ: Lấy tháng phối giống cộng thêm 3, ngày phối cộng thêm 24 ngày. Lợn chửa từ 112 - 116 (bình quân 114 ngày).
- Trước khi đẻ 2 - 3 ngày, lợn cái biểu hiện: vú căng to, âm hộ sưng đỏ, cắn rác làm tổ.
- Trước khi đẻ 1 - 2 giờ lợn nái đứng nằm không yên, vú sưng to, chân dạn ra, âm hộ mọng đỏ hơi hé mở, vú bắt đầu tiết sữa. Khi âm hộ chảy nước nhờn là dấu hiệu sắp đẻ. Khi nước ối đã vỡ ra là lúc lợn con sắp đẻ ra.

2.3. Kỹ thuật đỡ đẻ

Lợn con mới đẻ ra cần được lau sạch nhớt từ mũi, miệng, tai và toàn thân bằng giẻ sạch, mềm, khô rồi cắt cuống rôn (chừa lại khoảng 3 cm), sát trùng bằng cồn iốt hoặc thuốc đỏ. Sau đó bấm răng nanh, rồi chuyển lợn con về ổ đã chuẩn bị sẵn.

Lợn đẻ bọc phải xé bọc ngay, lợn con ngạt thì phải thổi hơi vào mũi, mồm làm hô hấp nhân tạo.

Dùng thuốc sát trùng nhẹ rửa sạch phía ngoài âm hộ, dùng nước ấm rửa sạch bầu vú và núm vú.

Lợn con đẻ ra cần cho bú sữa đầu càng sớm càng tốt (vì sữa đầu có kháng thể giúp cho lợn có sức đề kháng phòng chống ngay được 1 số bệnh sau khi mới đẻ).

Lợn nái đẻ xong cho uống nước ấm có pha muối. Theo dõi lấy nhau thai ra không để lợn mẹ ăn nhau thai (để sinh ra rồi loạn tiêu hoá).

Tiến hành thụt rửa tử cung bằng thuốc tím (pha màu cánh sen) mỗi ngày 1 lần, nhất là đối với lợn nái phải can thiệp kéo thai ra, lần thụt cuối cùng ta pha 1 gam Strep tomycin + 1 triệu UI Penicilin với 20 - 30ml nước cất bơm vào dạ con.

2.4. Chăm sóc lợn nái sau khi đẻ

Sau khi ra nhau, dùng nước ấm rửa sạch vú và âm hộ.

Thay rom ướt ẩm bằng rom khô cho nái nằm.

Cho uống đầy đủ nước sạch có pha ít muối, vì sau khi đẻ lợn thường khát do mất máu.

Để tránh bệnh viêm vú, cho lợn mẹ ăn cháo trong 1 - 2 ngày đầu. Cho thêm rau tươi non phòng táo bón.

Sau 3 ngày cho lợn nái ăn thức ăn theo quy định để đảm bảo sản xuất sữa đủ nuôi con.

Hàng ngày theo dõi lợn nái có bị viêm tử cung, âm hộ có mủ chảy ra không.

2.5. Chăm sóc lợn nái nuôi con

- Chăm sóc lợn nái:

Giảm tỷ lệ hao hụt.

Tăng trọng lợn cai sữa.

Lợn mẹ khoẻ tiết nhiều sữa, phẩm chất sữa tốt, giảm tỷ lệ hao mòn lợn mẹ, sớm động dục trở lại sau cai sữa, tăng hệ số quay vòng lứa đẻ/năm.

Giảm chi phí thức ăn để sản xuất ra 1 kg lợn con giống.

Trong thời gian nái nuôi con tránh tình trạng thay đổi thức ăn đột ngột.

- *Chăm sóc lợn con:*

+ *Lợn con sơ sinh đến cai sữa:*

Lợn con sau khi đẻ phải được chăm sóc sạch sẽ, mùa đông chuồng phải được sưởi ấm, phải luôn luôn khô ráo,

Khi lợn con đạt 15 - 20 ngày tuổi, cần tập cho lợn con ăn. Nấu chín bột thành hồ loãng, bôi vào mép lợn con hoặc vú lợn mẹ để lợn con liếm láp quen dần với thức ăn.

Từ 25 ngày, tăng lượng thức ăn bổ sung cho lợn con theo từng bữa và tiến hành không chế số lần bú cho lợn con. Số lần bú sẽ được giảm dần theo ngày tuổi của lợn con.

Quá trình bổ sung thức ăn sớm cho lợn con cần chú ý:

+ Cho lợn con ăn phải đúng bữa và đúng thời gian quy định.

+ Phải đảm bảo vệ sinh sạch sẽ.

+ Thức ăn bổ sung phải được chế biến tốt, ngon và dễ tiêu hoá.

+ Thức ăn có thể hỗn hợp nhiều loại để tăng giá trị dinh dưỡng.

Cho lợn uống nước đầy đủ, sạch sẽ đáp ứng tốc độ sinh trưởng của lợn con.

Chuồng trại có ô tập ăn riêng cho lợn con, nền chuồng phải luôn luôn sạch sẽ, khô ráo, ẩm về mùa đông, mát về mùa hè, đảm bảo nhiệt độ và độ ẩm thích hợp cho lợn con, trong chuồng lợn con phải có đệm lót.

Trong 15 - 20 ngày đầu sau sinh không tắm cho lợn nái, không rửa chuồng (chỉ dọn vệ sinh quét khô, thay rơm rạ, lót chuồng khi bị ẩm).

+ *Nuôi lợn con ghép mẹ*

Trường hợp có lợn mẹ đẻ ít con, phải ghép ổ lợn con để giải phóng lợn mẹ, nhưng đảm bảo các yêu cầu:

Lợn con có độ tuổi như nhau.

Lợn con đã được bú sữa đầu.

Thời gian ghép càng sớm càng tốt.

Tránh lợn mẹ phân biệt lợn con của nó và những con khác.

+ *Lợn con sau cai sữa*

Đặc điểm: Trong vòng 20 ngày đầu sau khi cai sữa, từ chỗ phụ thuộc vào lợn mẹ, nay lợn con phải sống độc lập và tự lấy dinh dưỡng để nuôi cơ thể.

Tốc độ sinh trưởng nhanh, đặc biệt các tổ chức như xương, cơ bắp và bộ máy tiêu hoá, cơ năng hoạt động khác.

Sức đề kháng còn kém, nhạy cảm với ngoại cảnh dễ nhiễm bệnh, nhất là bệnh đường tiêu hoá.

Lợn con sống độc lập nên thường xảy ra hiện tượng nhớ mẹ và cắn nhau để tranh giành thứ bậc trong đàn.

Chăm sóc: Cho lợn con ăn nhiều bữa trong ngày: 5 - 6 bữa/ngày.

Cho ăn đúng giờ.

Cho lợn con uống nước tự do.

Cho lợn con vận động tự do trên sân và bãi chơi.

3. Định mức kỹ thuật, thức ăn và tiêu chuẩn khẩu phần

3.1. Định mức kỹ thuật

Số con đẻ ra còn sống/lứa: 10 con

Khối lượng toàn ổ lúc sơ sinh: 5,5 - 6,0 kg

Số con cai sữa/lứa: 9,3 con (bình quân)

Khối lượng toàn ổ lúc cai sữa: 45 - 50 kg

Số ngày cai sữa: 40 - 45 ngày

Số lứa đẻ/nái/năm: 02 lứa

Thời gian sử dụng lợn nái: 5 năm

Mức khấu hao/nái/năm: 20%

3.2. Định mức thức ăn

+ *Định mức thức ăn của lợn nái nuôi con*

Tiêu chuẩn khẩu phần: Năng lượng trao đổi: 3000 kcal/kg thức ăn, Protein tiêu hoá 14%.

Ngày lợn đẻ: Không cho lợn nái ăn, cho uống nước tự do.

Ngày nuôi thứ nhất: Cho ăn 1 kg/con cái/ngày.

" 2 : " 2 kg/con mẹ/ngày.

" 3 : " 2,2 kg/con mẹ/ngày.

" 4 - 7 : " 2,5 kg/con mẹ/ngày.

Từ ngày thứ 7 trở đi:

Nái nuôi 6 con cho ăn: $2 \text{ kg} + (6 \text{ con} \times 0,1 \text{ kg/con}) = 2,6 \text{ kg}$

" 7 " : $2 \text{ kg} + (7 \text{ con} \times 0,1 \text{ kg/con}) = 2,7 \text{ kg}$

Nái nuôi 8 con cho ăn : $2 \text{ kg} + (8 \text{ con} \times 0,1 \text{ kg/con}) = 2,8 \text{ kg}$

" 9 " : $2 \text{ kg} + (9 \text{ con} \times 0,1 \text{ kg/con}) = 2,9 \text{ kg}$

Nái nuôi 10 con cho ăn: $2 \text{ kg} + (10 \text{ con} \times 0,1 \text{ kg/con}) = 3,0 \text{ kg}$

+ *Loại thức ăn*: Thức ăn công nghiệp dạng hỗn hợp, thức ăn đậm đặc phối chế với các loại nguyên liệu địa phương, song phải đảm bảo tiêu chuẩn về năng lượng trao đổi và Protein tiêu hoá.

Lợn nái nuôi con cần 20 - 30% giá trị dinh dưỡng bằng thức ăn xanh và củ quả.

Thức ăn phải có phẩm chất tốt, giá trị dinh dưỡng cao, chế biến tốt, không sử dụng thức ăn kém phẩm chất, thức ăn ôi, mốc... vì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến phẩm chất sữa mẹ và sức khoẻ lợn con.

Tránh thay đổi thức ăn đột ngột đối với lợn mẹ.

* Lượng nước uống cần thiết 7 - 10 lít/ngày trong cả thời kỳ nuôi con.

+ *Định mức thức ăn cho lợn con tập ăn đến lúc cai sữa*

Tiêu chuẩn khẩu phần cho lợn tập ăn: Năng lượng trao đổi 2900 - 3000 kcal/kg thức ăn, Protein 16 - 18%.

| Tuổi lợn con (ngày) | kg thức ăn |
|---------------------|------------|
| 10 - 20 | 0,1 |
| 21 - 30 | 0,2 |
| 31 - 45 | 0,25 |

+ *Tiêu chuẩn thức ăn*: Thức ăn công nghiệp loại thức ăn đậm đặc.

Cho lợn uống nước đầy đủ, sạch sẽ, nước uống tự do.

+ *Định mức thức ăn cho lợn con sau cai sữa*:

Là giai đoạn lợn con sau khi cai sữa đến 2 tháng tuổi khi đạt trọng lượng 9-12 kg.

Tiêu chuẩn khẩu phần: Năng lượng trao đổi: 2.900-3.000 kcal/kg thức ăn, Protein 15-16%.

Lượng thức ăn từ 0,25 - 0,3 kg/con.

+ *Tiêu chuẩn thức ăn*: Các loại thức ăn có thể sử dụng: Thức ăn đậm đặc phối chế với lương thực địa phương, hoặc thức ăn hỗn hợp. Song phải đảm bảo năng lượng trao đổi và Protein.

Cho lợn uống nước đầy đủ, sạch sẽ, nước uống tự do.

4. Chuồng trại

4.1. *Kiểu chuồng*: Chuồng hai ngăn, một ngăn cho lợn mẹ và 1 ngăn cho lợn con, chuồng xây bao xung quanh chiều cao: 0,7 - 0,9 m, phía trên mái được lợp bằng ngói, hoặc lá cọ, nền chuồng lát gạch đỏ, có rãnh thoát nước và phân, phía trước, hoặc phía sau phải có sân chơi cho lợn con.

4.2. *Định mức*: Chuồng nuôi lợn nái: 4 - 4,5 m² (trong đó lợn nái 2 - 2,5 m², lợn con 2 m²).

5. Thú y

- Phòng bệnh cho lợn con sau cai sữa.

- Tiêm phòng các vaccin: phó thương hàn, tụ huyết trùng.